TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-PT
Ngày: 21-3-2022
V/v "Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Khánh Thành – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLPT- DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp: "Hợp đồng Dân sự Vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2022/QĐ-PT ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1980, bà Nguyễn Thu Th, sinh năm: 1987; cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn M huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Khắc Th, sinh năm: 1969, bà Đào Thị Hồng M, sinh năm: 1975, cư trú trú tại tổ dân phố 2, thị trấn M huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, ông Th có mặt, bà M vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Ông Nguyễn Khắc Th, sinh năm: 1969; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3744, quyển số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng nhận ngày 21 tháng 6 năm 2021), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/3/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thu Th thì:

Do có quan hệ quen biết nhau nên vợ chồng ông, bà cho vợ chồng ông Nguyễn Khắc Th, bà Đào Thị Hồng M vay nhiều lần; cụ thể: ngày 29/01/2019 cho vay 650.000.000đ; ngày 25/4/2019 cho vay 600.000.000đ; ngày 26/4/2019 cho vay 1.000.000.000đ; ngày 26/5/2019 cho vay 700.000.000đ; ngày 01/9/2019 cho vay 1.400.000.000đ. Tổng cộng số tiền 05 lần cho vay là 4.350.000.000đ; khi vay tiền bà M có viết và ký tên vào 05 giấy vay tiền, thời hạn vay được thỏa thuận bằng lời nói là 05 đến 10 ngày, lãi suất cũng chỉ thỏa thuận bằng lời nói theo đó vợ chồng Ông Th, bà M trả bao nhiêu thì trả, mục đích vày là để bị đơn làm ăn, kinh doanh trong gia đình. Khi vay tiền Ông Th không ký tên vào 05 giấy vay tiền mà bà M là người ký tên thay Ông Th nhưng cả 05 lần này đều có mặt Ông Th; vợ chồng ông, bà giao tiền cho cả vợ chồng Ông Th, bà M. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông Th, bà M đã trả được 1.050.000.000đ. Sau khi vợ chồng ông, bà khởi kiện thì bị đơn trả thêm 1.300.000.000đ; số tiền còn lại có viết giấy hẹn trả nợ. Hiện nay Ông Th và bà M còn nợ số tiền gốc vay là 2.000.000.000đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng Ông Th, bà M phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền còn nợ là 2.000.000.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi. Yêu cầu tiếp tục duy trì 02 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo thi hành án.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Khắc Th, người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Hồng M, thì: bà M thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền nói trên, khi vay tiền thì bà M là người viết và ký vào 05 "Giấy mượn tiền" mà vợ chồng ông Hùng, bà Thảo cung cấp cho Tòa án trong đó có dòng chữ "10 ngày đúng", "đến 10 – âm – 2019" không phải chữ viết của bà M, chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Khắc Thuận trong 04 giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp thì bà M không biết của ai, mục đích vay tiền để làm ăn, kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình, tiền lãi được hai bên thỏa thuận bằng lời nói từ 2.000đ đến 2.500đ/1.000.000đ/01 ngày, trả tiền lãi 10 ngày 01 lần sau này 01 tháng trả lãi 01 lần, không thỏa thuận thời hạn trả gốc. Bà M đã trả được 1.050.000.000đ. Ngày 28/9/2020 vợ chồng ông, bà đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.300.000.000đ; Ông Th có viết giấy trả nợ và người nhận tiền ông Nguyễn Mạnh H ký tên xác nhận vào giấy trả nợ. Nay bà Đào Thị Hồng M đồng ý trả cho vợ chồng ông Hùng và bà Thảo số tiền gốc còn thiếu là 2.000.000.000đ.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Khắc Th thì: Việc vợ ông bà Đào Thị Hồng M vay tiền của nguyên đơn thì ông không biết, chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Khắc Thuận trong các "Giấy mượn tiền" mà nguyên đơn cung cấp không

phải là chữ viết, chữ ký của ông. Bà M vay tiền về để làm ăn, kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình. Ngày 28/9/2020 ông và bà M đã trả cho vợ chồng ông Hùng, bà Thảo số tiền 1.300.000.000đ; lý do ông đồng ý cùng vợ là bà Đào Thị Hồng M trả cho nguyên đơn số tiền nói trên và viết giấy trả nợ vì vợ ông là bà M đã vay tiền của vợ chồng ông H, bà Th nên ông cùng vợ trả số nợ 1.300.000.000đ.

Đối với số tiền còn lại ông không đồng ý trả cho nguyên đơn vì ông không có vay số tiền này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải không thành.

Tại Bản án số 06/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thu Th đối với bị đơn bà Đào Thị Hồng M và ông Nguyễn Khắc Th về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Đào Thị Hồng M và ông Nguyễn Khắc Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thu Th số tiền gốc là 2.000.000.000đ, trong đó bà Đào Thị Hồng M phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thu Th số tiền gốc là 1.000.000.000đ, ông Nguyễn Khắc Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thu Th số tiền gốc là 1.000.000.000đ.

2. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ và tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/11/2021 ông Nguyễn Khắc Th kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không buộc ông phải trả nợ cho vợ chồng ông H, bà Th số tiền 1.000.000.000đ.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Khắc Th vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không buộc ông phải trả cho vợ chồng ông Hùng, bà Thảo số tiền 1.000.000.000đ vì ông không vay tiền của vợ chồng Hùng, bà Thảo.

Vợ chồng ông Hùng, bà Thảo đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc Th, sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thu Th và vợ chồng ông Nguyễn Khắc Th, bà Đào Thị Hồng M nhiều lần xác lập giao dịch dân sự vay tài sản; do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như giữa các bên không thống nhất về người phải có nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Ông Th thì thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay; đương sự đều thống nhất về số tiền vay và số tiền đã trả, tuy nhiên Ông Th cho rằng trong các "Giấy vay tiền" mà nguyên đơn xuất trình chỉ có bà M ký tên còn ông không ký vào các giấy tờ này, vợ chồng ông H, bà Th thừa nhận các lần vay tiền đều do bà M ký tên và có ký thay ông Th, tuy nhiên các lần cho vay này đều có mặt Ông Th chứng kiến và cả hai đều nhận tiền.

Tuy nhiên; khi đại diện cho bà M trình bày thì ông Th cũng thừa nhận việc bà M vay tiền là để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, tại thời điểm bà M viết "Giấy mượn tiền" (ngày 01/9/2019, ngày 26/5/2019; ngày 26/4/2019; ngày 25/4/2019; ngày 29/01/2019) thì Ông Th, bà M vẫn là vợ chồng. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì *"Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình…".*

Ngoài ra, khi Tòa án cấp sơ thẩm đang thụ lý, giải quyết vụ án nói trên thì vợ chồng Ông Th, bà M cũng trả thêm số tiền 1.300.000.000đ vào 28/9/2020 đồng thời xác nhận và hẹn thời gian trả số tiền 2.000.000.000đ còn lại. Điều này càng khẳng định vì khoản nợ nói trên là nợ chung nên Ông Th mới cùng vợ trả nợ. Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Ông Th, bà M cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Hùng, bà Thảo số tiền 2.000.000.000đ là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại thời điểm giải quyết thì quan hệ hôn nhân giữa Ông Th, bà M

vẫn còn tồn tại; Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Thuận, bà M cùng có trách nhiệm "liên đới" trả nợ; buộc vợ chồng Ông Th, bà M mỗi người phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000đ là chưa đúng với nội dung của Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 vừa viện dẫn nên cần sửa lại cách tuyên là phù hợp.

[3] Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2020 vợ chồng ông H, bà Th yêu cầu vợ chồng Ông Th, bà M trả số tiền nợ gốc là 3.300.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án; ngày 28/9/2020 vợ chồng Ông Th, bà M đã trả cho vợ chồng ông Hùng, bà Thảo số tiền 1.300.000.000đ nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải số tiền nợ còn lại là 2.000.000.000đ. Trong trường hợp này được xem là nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.300.000.000đ; lẽ ra cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vừa nêu nhưng lại không thực hiện là có thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên vi phạm này không lớn; trong trường hợp hủy án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của việc giải quyết vụ án; tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Với những nhận định trên; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc Th, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[5] Tòa án sơ thẩm có ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" (Các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 3 năm 2020 và số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29 tháng 3 năm 2021) và Bản án sơ thẩm tiếp tục duy trì 02 Quyết định nói trên; sau khi xét xử sơ thẩm và tại giai đoạn phúc thẩm các đương sự không khiếu nại, Viện Kiểm sát không kiến nghị nên không đề cập. Việc hủy bỏ các Quyết định vừa nêu được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật Thi hành án Dân sự.

Các phần khác của Quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Khắc Th, bà Đào Thị Hồng M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Khắc Th phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc Th, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thu Th về việc "*Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản*" đối với vợ chồng ông Nguyễn Khắc Th, bà Đào Thị Hồng M.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Khắc Th, bà Đào Thị Hồng M phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thu Th số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng).

2. Các phần khác của Quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Khắc Th, bà Đào Thị Hồng M phải chịu 72.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thu Th không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, vợ chồng Hùng, bà Thảo được nhận lại số tiền 49.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018185 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Khắc Th phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000025 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Th đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch